TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA BỂ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2021/QĐST-HNGĐ	*Ba Bể, ngày 08 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Dương Thị L**, sinh năm 1990.

* Bị đơn: Anh **Đồng Văn K**, sinh năm 1988.
Đều trú tại: Thôn L, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Dương Thị L, sinh năm 1990 và anh Đồng Văn K, sinh năm 1988.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

*** Về quan hệ hôn nhân**: Chị Dương Thị L và anh Đồng Văn K thuận tình ly hôn.

*** Về con chung**: Chị Dương Thị L và anh Đồng Văn K có hai con chung tên là Đồng Dương L1, sinh ngày 31/01/2014 và Đồng Phúc L2, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2016. Các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Chị

Dương Thị L và anh Đồng Văn K thỏa thuận, thống nhất giao con chung Đồng Dương L1 cho chị Dương Thị L trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Đồng Phúc L2 cho anh Đồng Văn K trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi.

* **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị Dương Thị L và anh Đồng Văn K không yêu cầu tòa án giải quyết.

Chị Dương Thị L và anh Đồng Văn K có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hay thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* **Về tài sản chung**: Chị Dương Thị L và anh Đồng Văn K không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về vay nợ chung**: Chị Dương Thị L và anh Đồng Văn K không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về cho vay nợ chung**: Chị Dương Thị L và anh Đồng Văn K không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về án phí:** Chị Dương Thị L phải chịu 75.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh Đồng Văn K phải chịu 75.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận chị Dương Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000^{đ} *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Dương Thị L đã nộp là 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 03814 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B. Chị Dương Thị L được hoàn trả lại số tiền là 150.000^{đ} *(Một trăm năm mươi nghìn đồng).* Xác nhận chị Dương Thị L đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh + Biên bản ghi nhận (01b);
- VKSND huyện B (02b);
- Chi cục THADS huyện B (01b);
- UBND xã Q (01b);
- Các đương sự (02b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu VP (01b).

THẨM PHÁN

Phạm Thế Hùng